TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 130/2018/HNGĐ-ST
Ngày 05 – 7 - 2018
" V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huyền Trân
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Huỳnh Hoàng Khởi
2. Bà Trần Thị Mỹ Hương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 05 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 511/2018/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2018, về việc "xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 422/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 74B/115, H TK, khóm T, phường B, thành phố C (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977 Địa chỉ: Số 74B/115, H TK, khóm T, phường B, thành phố C (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải ngày 22 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày*:* Chị và anh Nguyễn Thanh H chung sống vào năm 1995, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, nay chị nhận thấy cả hai không thể chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị T xác định có hai người con tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1996; Nguyễn T V, sinh năm 1998, hiện nay hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có.

Về nợ chung: Chị T xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại.

Tại biên bản hòa giải ngày 22 tháng 6 năm 2018 và tại phiên tòa, anh Nguyễn Thanh H trình bày: Về thời gian chung sống, vợ chồng không đăng ký kết hôn và nguyên nhân mâu thuẫn đúng như chị T trình bày. Nay chị T xin hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh H xác định có hai người con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1996; Nguyễn T V, sinh năm 1998 đúng như chị T trình bày hiện nay các con đã trưởng thành nên khi ly hôn anh không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh H xác định không có.

Về nợ chung: Anh H xác định không nợ ai và cũng không ai nợ lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân gia đình nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Chị Trần Thị Hồng T và anh Nguyễn Thanh H chung sống với nhau vào năm 1995, quá trình chung sống đến nay tuy đủ điều kiện kết hôn nhưng anh, chị cũng không đăng ký kết hôn theo luật định nên căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì việc kết hôn trên không được đăng ký theo quy định là không có giá trị pháp lý. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, chị T xác định do vợ chồng có mâu thuẫn với nhau, bất đồng về mọi mặt trong cuộc sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau hiện chị không còn tình cảm đối với anh H nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Mặc khác anh H cũng xác định vợ chồng có nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn nên đồng ý chấm dứt mối quan hệ hôn nhân theo yêu cầu của chị T. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H là thực tế có xảy ra. Đồng thời, do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T và anh H xác định có hai con chung tên Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1996; Nguyễn T V, sinh năm 1998. Hiện nay hai cháu đã trưởng thành đã trưởng thành tự nuôi sống bản thân được nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh H xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh H xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Chị T chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39,147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Thanh H.

2. Về con chung : Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung, chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Thanh H khai không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị Hồng T pH nộp số tiền 300.000đ. Vào ngày 31/5/2018, Chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000850 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị T, anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh M;
- VKSND Tp.C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Trần Huyền Trân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 05 tháng 7 năm 2018.
Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.
Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Huyền Trân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Liêm;

2. Bà Trần Thị Cúc;

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 511/2018/TLST-HNGĐ, ngày 31 tháng 5 năm 2018 về việc ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số 74B/15, Huỳnh Thúc Kháng, khóm 8, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977 Địa chỉ: Số 74B/15, Huỳnh Thúc Kháng, khóm 8, phường 7, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (có mặt).

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, các quy định của pháp luật.

`HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ các Điều 28, 35, 39,147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 9, 14, 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Thanh H.

Biểu quyết 3/3

2.Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Biểu quyết 3/3

3.Về tài sản chung: Chị T và anh H khai không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Biểu quyết 3/3

4.Về nợ chung: Không có. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Biểu quyết 3/3

5.Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị Hồng T pH nộp số tiền 300.000đ. Vào ngày 31/5/2018, Chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000850 được đối trừ, chuyển thu sung quỹ Nhà nước.

Biểu quyết 3/3

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Biểu quyết 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 40 phút, ngày 05 tháng 7 năm 2018.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Mỹ Hương **Huỳnh Hoàng Khởi** **Trần Huyền Trân**